**Nhóm: 06**

**Thành viên:**

**1.Măng Thắng Lợi (Nhóm trưởng): Trường PTDTBT THCS Phan Đăng Lưu**

**2. Hà Nguyễn Hồng Phúc: Trường THCS Lê Duẩn**

**3. Nguyễn Thị Thu Ánh: Trường THCS Lê Duẩn**

**4. Ksor Maih: Trường THCS Lê Duẩn**

**5. Nguyễn Thị Mỹ: Trường PTDTBT THCS Phan Đăng Lưu**

**6. Trần Hữu Giang: Trường PTDTBT THCS Phan Đăng Lưu**

**BÀI THU HOẠCH TẬP HUẤN GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ XÂY DỰNG MA TRẬN, ĐẶC TẢ**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6**

1. **Khung ma trận**

| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **Phân môn địa lí** | | | | | | | | | | | |
| **1** | **TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ**  **1 tiết** | - Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu  - Những điều lí thú khi học môn Địa lí  - Địa lí và cuộc sống | 1 TN |  |  |  |  |  |  |  | 1 tiết  5%  0,25 điểm |
| **2** | **BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**  **6 tiết** | - Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ | 2 TN |  |  |  |  |  |  |  | 6 tiết  50%  2,5 điểm |
| - Các yếu tố cơ bản của bản đồ. | 2 TN |  |  | 1TL |  |  |  |  |
| - Các loại bản đồ thông dụng. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Lược đồ trí nhớ. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **TRÁI ĐẤT - HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI**  **5 tiết** | Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời  - Hình dạng, kích thước Trái Đất. | 2TN |  |  |  |  |  |  |  | 5 tiết  45%  2,25 điểm |
| - Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả địa lí. | 1 TN |  |  |  |  | 1TL(a) |  | 1TL(b) |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **15%** | | **10%** | | **5%** | | **50** |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | | | |
| **1** | **TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?**  **4 tiết** | - Lịch sử là gì? | 1TN |  |  |  |  |  |  |  | 4 tiết 20%  2 điểm |
| - Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử? |  |  |  | 1TL |  |  |  |  |
| - Thời gian trong lịch sử | 1TN |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **THỜI NGUYÊN THUỶ**  **5 tiết** | - Nguồn gốc loài người | 3TN |  |  |  |  |  |  | 1TL  (b) | 5 tiết  30 %  3 điểm |
| - Xã hội nguyên thuỷ | 3TN |  |  |  |  |  |  |  |
| - Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp và sự chuyển biến, phân hóa của xã hội nguyên thuỷ |  |  |  |  |  | 1Tl(a) |  |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **20 %** | | **15 %** | | **10 %** | | **5 %** | | **50** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100** |

**Lưu ý:**

*-* Tỉ lệ điểm của chủ đề A + chủ đề B + ....+ cộng chủ đề n = 50% tổng điểm (tương đương 5,0 điểm).

- Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết.

**b. Bảng đặc tả**

| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |
| **1** | **TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ**  1 tiết  5%  0,25 điểm | - Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu  - Những điều lí thú khi học môn Địa lí  - Địa lí và cuộc sống | **Nhận biết**  Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống. | 1 TN |  |  |  |
| **2** | **BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**  6 tiết  50%  2,5 điểm | Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. | **Nhận biết**  Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.  **Vận dụng**  - Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. | 2TN |  |  |  |
| - Các yếu tố cơ bản của bản đồ | **Nhận biết:**  - Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.  **Thông hiểu**  - Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. | 2TN | 1TL |  |  |
| Các loại bản đồ thông dụng | **Vận dụng**  - Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.  - Biết tìm đường đi trên bản đồ. |  |  |  |  |
| - Lược đồ trí nhớ | **Vận dụng**  - Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh. |  |  |  |  |
| **3** | **TRÁI ĐẤT - HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI**  5 tiết  45%  2,25 điểm | - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời  - Hình dạng, kích thước Trái Đất | **Nhận biết**  - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  - Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.  Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục | 2TN |  |  |  |
| - Chuyển động tự quay của Trái Đất và hệ quả địa lí | **Nhận biết**  - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  - Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.  - Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời.  **Thông hiểu**  - Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ).  - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau  **Vận dụng**  - Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.  - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất  **Vận dụng cao**  Liên hệ được tác động của lực làm lệch hướng chuyển động của các vật thể theo chiều kinh tuyến (lực Coriolit) | 1TN |  | 1TL(a) | 1TL(b) |
| **Tổng** | | | | **8 câu TNKQ** | **1 câu TL** | **1/2**  **câu (a) TL** | **1/2 câu**  **(b)**  **TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | |
| **1** | **TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?**  **4 tiết**  **20%**  **2 điểm** | - Lịch sử là gì? | **Nhận biết**  - Nêu được khái niệm lịch sử  - Nêu được khái niệm môn Lịch sử. | 1TN |  |  |  |
| - Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử? | **Thông hiểu**  - Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,…).  - Trình bày được ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu |  | 1TL |  |  |
| - Thời gian trong lịch sử | **Nhận biết**  - Nêu được một số khái niệm thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,…  **Vận dụng**  - Tính được thời gian trong lịch sử (thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,…). | 1TN |  |  |  |
| **2** | **THỜI NGUYÊN THUỶ**  **5 tiết**  **30 %**  **3 điểm** | - Nguồn gốc loài người | **Nhận biết**  - Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam.  **Vận dụng**  - Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á  **Vận dụng cao**  Liên hệ được địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ tại địa phương | 3TN |  |  | 1TL (b) |
| - Xã hội nguyên thuỷ | **Nhận biết**  - Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thuỷ (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...) trên Trái đất  - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam  **Thông hiểu**  - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ.  - Giải thích được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người | 3TN |  |  |  |
| - Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp và sự chuyển biến, phân hóa của xã hội nguyên thuỷ | **Vận dụng**  **-** Nhận xét được vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp. |  |  | 1TL(a) |  |
| **Tổng** | | | | **8 câu TNKQ** | **1 câu TL** | **1+1/2**  **câu (a)**  **TL** | **1/2 câu (b)**  **TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **40** | **30** | **20** | **10** |

***Lưu ý:***

**c. Đề kiểm tra**

**Phân môn Địa lí**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)** Chọn câu trả lời đúng nhất. (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

**Câu 1. Ý nào sau đây không thể hiện được vai trò của Địa lí trong cuộc sống?**

A. Hiểu biết về các mùa trên Trái Đất. B. Biết được sự vận động của Trái Đất.

C. Biết được sự hình thành và phát triển của loài người. D. Hiểu biết về các hiện tượng tự nhiên.

**Câu 2. Các đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu là những đường**

A. kinh tuyến. B. kinh tuyến gốc. C. vĩ tuyến. D. vĩ tuyến gốc.

**Câu 3. Đường vĩ tuyến 00 là đường vĩ tuyến gốc, còn được gọi là đường**

A. chí tuyến. B. vòng cực. C. xích đạo. D. vĩ tuyến Bắc.

**Câu 4. Để thể hiện ranh giới quốc gia, người ta dùng loại kí hiệu:**

A. điểm. B. đường. C. diện tích. D. Hình học.

**Câu 5.** **Khi đọc một bản đồ bất kì, thao tác đầu tiên cần làm là thao tác nào sau đây?**

A. Đọc bảng chú giải. B. Đọc kí hiệu bản đồ.

C. Đọc tên bản đồ. D. Tìm phương hướng.

**Câu 6**. **Theo thứ tự xa dần Mặt trời, Trái đất nằm ở vị trí thứ:**

A. 3. B. 5. C. 8. D. 7.

Câu 7: Trái Đất có hình dạng như thê nào?

A. Hình Cầu. B. Hình tròn. C. Hình elip gần tròn. D. Hình bầu dục.

**Câu 8. Thời gian Trái đất chuyển động quanh trục tưởng tượng hết 1 vòng hết**

A. 23 giờ . B. 24 giờ. C. 25 giờ . D. 27 giờ.

**B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1: (1.5 điểm)** Trên bản đồ có tỉ lệ 1: 10 000. Em hãy cho biết 1cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu cm trên thực tế?

**Câu 2. (1,5 điểm)** Dựa vào đoạn thông tin sau hãy cho biết:

“Tại một thời điểm xác định, trên trái đất có nơi đang là ngày, nơi khác lại là đêm. Nửa được chiếu sang chính là ngày, còn nửa không được chiếu sáng sẽ là đêm.”

Nguồn: <https://giaoducso.vn>

a. Đây là hiện tượng nào trong các hệ quả chuyển động của Trái Đất quay quanh trục? Hãy trình bày hiện tượng đó?

b. Hãy giải thích vì sao: trong mỗi con sông ở bán cầu Bắc, áp lực của dòng chảy lên bờ phải của sông mạnh hơn so với bờ trái, còn ở bán cầu Nam thì ngược lại.

|  |
| --- |
| **Phân môn Lịch sử**  **A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**  Chọn câu trả lời đúng nhất. (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)  **Câu 1. Lịch Sử được hiểu là**  A. tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ. B. các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai.  C. các sự kiện đang diễn ra ở hiện tại. D. tất cả sự kiện đã và đang diễn ra trong đời sống.  **Câu 2**. **Dương lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của**  A. Trái Đất quanh Mặt Trời. B. Mặt Trăng quanh Trái Đất.  C. Trái Đất quanh trục của nó. D. Mặt Trời quanh Trái Đất.  **Câu 3. Dạng người xuất hiện cách đây 4 triệu năm trước là**  A. vượn người. B. người tối cổ. C. người hiện đại. D. người tinh khôn.  **Câu 4. Trên lãnh thổ của Việt Nam, răng của người tối cổ được các nhà khảo cổ học tìm thấy ở**  A. Núi Đọ (Thanh Hóa) B. Xuân Lộc (Đồng Nai)  C. Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn) D. An Khê (Gia Lai)  **Câu 5. Tên gọi dùng cho người nguyên thủy là:**  A. Người tối cổ. B. người tinh khôn. C. vượn người. D. người hiện đại.  **Câu 6**. **Xã hội nguyên thủy trải qua mấy giai đoạn phát triển?**  A. Một. B. Hai. C. Ba. D. Bốn.  **Câu 7. Trong đời sống tinh thần, Người tinh khôn đã có tục**  A. thờ thần - vua. B. chôn cất người chết. C. xây dựng nhà cửa. D. lập đền thờ các vị vua.  **Câu 8. Đứng đầu công xã thị tộc là ai?**  A. Tộc trưởng. B. Tù trưởng. C. Già làng. D. Người phụ nữ lớn tuổi.  **B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**  **Câu 1. (1,5 điểm)** Quan sát hình ảnh sau, hãy cho biết đây thuộc loại tư liệu lịch sử nào? Nguồn tư liệu đó có ý nghĩa như thế nào trong việc tìm hiểu lịch sử?  C:\Users\Son\Desktop\tải xuống.jpg  **Câu 2 (1,5điểm):**   1. (1,0 điểm):Em hãy kể tên một số vật dụng bằng kim loại mà con người ngày nay vẫn thừa hưởng từ những phát minh của người nguyên thủy? 2. (0,5 điểm):Thời đại đồ đá mới ở Gia Lai được phát hiện tại địa phương nào? Với đặc trưng hiện vật là gì? |
|  |

**D. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần Địa lí**

1. TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | C | A | C | B | C | A | A | B |

B. TỰ LUẬN (3 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1.**  **(1,5 điểm)** | Tỉ lệ bản đồ 1:10 000  1cm trên bản đồ ứng với 10 000 cm ngoài thực tế. | *1,5 điểm* |
| **Câu 2.**  **(1,5 điểm)** | - Đây là hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau | *1 điểm* |
| - Trái Đất có dạng hình cầu. Mặt Trời chỉ chiếu sáng được một nửa. Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa trong bóng tối là đêm. Vì vậy, Trái Đất có ngày và đêm.  - Do hiện tượng tự quay nên ngày đêm trên Trái Đất không cố định mà có sự luân phiên, địa điểm nào trên bề mặt Trái Đất cũng lần lượt có ngày và đêm. |
| b. Do tác động của lực Coriolit nên các vật thể chuyển động ở bán cầu Bắc bị lệch về bên phải theo hướng chuyển động ban đầu, các vật thể chuyển động ở bán cầu Nam bị lệch về bên phải theo hướng chuyển động ban đầu. | *0,5 điểm* |

**Phần Lịch sử**

A.TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | A | A | B | C | A | B | B | A |

**B. TỰ LUẬN** (3 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1.**  **(1,5 điểm)** | - Hình ảnh thuộc loại tư liệu truyền miệng. Nguồn tư liệu truyền miêng không cho biết chính xác về địa điểm, thời gian, nhưng phần nào phản ánh hiện thức lịch sử. | *1,5 điểm* |
| **Câu 2.**  **(1,5 điểm)** | **a.Một số vật dụng bằng kim loại mà con người ngày nay vẫn thừa hưởng từ những phát minh của người nguyên thủy như liềm, kìm, búa, cuốc, xẻng, cày, dao,...** | *1 điểm* |
| b.Thời đại đồ đá mới ở Gia Lai được phát hiện tại 4 địa điểm ở Chư Prông: Làng Gà 4, Làng Gà 5, Làng Gà 6, Làng Gà 7 với các hiện vật: rìu hình bầu dục, rìu ngắn, có chiếc đã được mài lưỡi… | *0,5 điểm* |

**\*\*\*\*\*\*\***